TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2022/HS-ST
Ngày 18-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phúc An Hoành,

Các Hội thẩm nhân dân: *1*. Bà Trần Thị Hường,

2. Ông Hà Quang Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh T tham gia phiên tòa***: Ông Hoàng Duy Luận, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2022/TLST - HS ngày 12 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST - HS ngày 10/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/HSST- QĐ ngày 22/02/2022 đối với bị cáo:

LÊ NGỌC C, sinh ngày 28/9/1977 tại huyện Q, tỉnh T;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường H, huyện Q, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Hồng T (đã chết) và bà Trần Thị T1; vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Quyết định số 06/2020/QĐ-TA ngày 30/3/2020 của Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng, ngày 11/3/2021, Lê Ngọc C chấp hành xong cai nghiện bắt buộc theo Giấy chứng nhận số 21/GCN-QLHV ngày 11/3/2021.

Nhân thân:

- Ngày 18/10/1996, bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo thử thách 36 tháng về tội Cướp tài sản công dân theo Bản án hình sự sơ thẩm số 68/1996/HS-ST.

- Ngày 07/11/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2008/HSST.

- Ngày 19/8/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh P xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2010/HSST.

- Ngày 24/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2015/HSST (tổng giá trị 16.399.200 đồng, thời điểm phạm tội từ ngày 15/5/2015 đến ngày 27/6/2015).

- Ngày 09/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2017/HSST (tài sản giá trị 490.000 đồng, thời điểm phạm tội ngày 02/4/2017), chấp hành xong bản án ngày 08/11/2017 theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 56/GCN ngày 08/11/2017 của Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T.

- Ngày 05/10/2021, bị Công an huyện Y, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản theo Quyết định xử phạt hành chính chính số 167/QĐ-XPHC, hiện Lê Ngọc C chưa thi hành.

- Ngày 02/11/2021, bị Công an huyện Q, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của người khác theo Quyết định xử phạt hành chính số 1727/QĐ-XPHC, hiện Lê Ngọc C chưa thi hành.

- Bản án số 03/2022, ngày 10/01/2022, của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 01 năm 04 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 31/8/2021 (*kèm theo bản án có Quyết định thi hành án hình phạt tù số 22/2022/QĐ-CA ngày 14/02/2022*).

Bị bắt tạm giam trong vụ án khác từ ngày 31/8/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang để chờ thi hành án theo quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T, *có mặt tại phiên tòa*.

Bị hại: Ông Mã Văn D, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện C, tỉnh T, *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Thế A, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường H, huyện Q, tỉnh T, *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

- Ông Mai Thanh T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, huyện Q, tỉnh T, *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

- Ông Vũ Phương N, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 6, xã B, huyện Y, tỉnh T, *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/8/2021, Lê Ngọc C đi xe ô tô khách từ huyện Q lên chơi với bạn là Trần Duy P, sinh năm 1965, hiện đang ở tại phòng trọ khu vực phía sau Trung tâm Chi nhánh điện lực huyện C, thuộc tổ V, xã L, huyện C, tỉnh T. Khoảng 14 giờ cùng ngày C gặp P tại quán nước trà đá gần khu vực bến xe, cả hai ngồi nói chuyện, uống nước; do P có việc nên đi về phòng trọ trước, còn C tiếp tục ngồi uống nước một mình. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày C đi bộ từ quán trà đá đến phòng trọ của P, khi đi qua Trạm vật tư huyện C (thuộc tổ dân phố V, xã L, huyện C, tỉnh T), C nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiêu Honda, loại xe Super Dream, màu sơn nâu, biển số đăng ký 22K9-431... của Mã Văn D, đang dựng ở lề đường bê tông lối đi vào Trạm vật tư, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa, C quan sát xung quanh không có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. C ngồi lên xe, bật chìa khóa khởi động xe, sau đó điều khiển xe mô tô theo hướng đi huyện Q, tỉnh T. C bán xe mô tô vừa trộm cắp được cho Nguyễn Thế A, trú tại tổ dân phố 1, phường H, huyện Q, tỉnh T với giá 8.000.000 đồng (khi bán xe, C không nói cho Thế A biết chiếc xe mô tô trên là do trộm cắp mà có).

Đến ngày 15/9/2021, Nguyễn Thế A đã bán chiếc xe mô tô nêu trên cho Mai Thanh T, trú tại tổ dân phố 2, phường N, huyện Q, tỉnh T với giá 17.500.000 đồng. Ngày 18/9/2021 Mai Thanh T tiếp tục bán chiếc xe mô tô trên cho Vũ Phương N, trú tại thôn 6, xã B, huyện Y, tỉnh T với giá 19.500.000 đồng. Ngày 22/9/2021, ông Vũ Phương N điều khiển xe mô tô biển số đăng ký 22K9-431... đến trụ sở UBND xã P, huyện C để làm thủ tục sang tên đổi chủ thì được biết chiếc xe mô tô là tài sản trộm cắp, sau đó ông N đã tự giác giao nộp chiếc xe cùng toàn bộ giấy tờ xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL- HĐĐGTS ngày 17/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chiêm Hóa, kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Super Dream màu sơn nâu, biển số đăng ký 22K9-431... tại thời điểm tháng 8/2021 là: 15.000.000đ *(Mười năm triệu đồng chẵn).*

Cáo trạng số 07/CT-VKSCH ngày 12/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang truy tố Lê Ngọc C phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Ngọc C phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Về hình phạt chính: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Lê Ngọc C từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Đề nghị áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với Bản án số 03/2022, ngày 10/01/2022, của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung mức án từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản riêng, là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Mã Văn D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường công truy tìm tài sản, chi phí nào khác, do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ông Nguyễn Thế A không có yêu cầu, đề nghị bị cáo Lê Ngọc C bồi thường thiệt hại về phần dân sự, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Mai Thanh T yêu cầu Bùi Thế Anh bồi thường số tiền 12.500.000 đồng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc Bùi Thế A hoàn trả cho Mai Thanh T số tiền 12.500.000 đồng.

Ông Vũ Phương N yêu cầu Mai Thanh T bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc Mai Thanh T hoàn trả cho Vũ Phương N số tiền 5.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Super Dream màu sơn nâu, biển số đăng ký 22K9-431..., xe cũ đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 01176... mang tên Mã Văn D; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô, xe máy số 119735... mang tên Mã Văn D, ngày 26/10/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã tiến hành trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp, do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bùi Thế A, Mai Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Ngọc C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, xác định ngày 22/8/2021, đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Super Dream màu sơn

nâu, biển số đăng ký 22K9-431..., của ông Mã Văn D, tại tổ dân phố V, xã L, huyện C, tỉnh T. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Lời khai của Ông Mã Văn D xác định: Ông là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Super Dream màu sơn nâu, biển số đăng ký 22K9-431.... Khoảng 14 giờ ngày 22/8/2021, ông điều khiển xe mô tô từ nhà ở đến Trạm vật tư huyện C để bán hàng. Khi đến nơi ông dựng xe mô tô ở lề đường cách chỗ bán hàng khoảng 5 m, khi dựng xe ông không rút chìa khóa xe, vị trí dựng xe khuất tầm nhìn. Sau khi làm việc khoảng 17 giờ 30 phút thì ông ra về, đi ra chỗ để xe mô tô thì phát hiện xe mô tô bị mất trộm. Ông không cho ai mượn xe, cũng không xác định được thời gian bị mất lúc nào; trong cốp xe mô tô trước lúc bị mất có 01 giấy đăng ký xe và 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự đều mang tên ông Mã Văn D. Tài sản của ông bị mất vào ngày 26/10/2021 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã trả lại cho ông đầy đủ; ông không yêu bị cáo Lê Ngọc C bồi thường về khoản tiền gì. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông Mã Văn D xác định giữ nguyên nội dung lời khai tại cơ quan điều tra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Lời khai của ông Nguyễn Thế A xác định: Giữa ông và Lê Ngọc C không có mối quan hệ quen biết với nhau. Khoảng 19 giờ ngày 22/8/2021 ông đang ở nhà thì Lê Ngọc C một mình điều khiển xe mô tô đến gia đình ông hỏi có mua xe mô tô không. Thấy vậy ông có hỏi về nguồn gốc xe mô tô, thì C nói là xe mua về sử dụng và có đưa cho ông xem 01 đăng ký xe và 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự đều mang tên Mã Văn D có hộ khẩu ở thôn H, xã P, huyện C, tỉnh T, thấy vậy ông nghĩ là xe mua với ông D nên đã đồng ý mua lại với giá 8.000.000 đồng và làm giấy tờ mua bán xe. Đến ngày 15/9/2021, Mai Thanh T trú tại tổ 2, phường N, huyện Q, tỉnh T đến gặp ông hỏi mua chiếc mô tô nêu trên, ông đã bán chiếc xe cho T với giá 17.500.000 đồng, việc mua bán chỉ trao đổi bằng miệng, T đã giao đủ tiền cho ông, khi giao xe cho anh T ông đã giao cùng xe đăng ký xe, bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho Mai Thanh T. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, Nguyễn Thế A không yêu cầu bị cáo Lê Ngọc C phải bồi thường số tiền 8.000.000 đồng đã mua xe mô tô với Lê Ngọc C.

Lời khai của ông Mai Thanh T xác định: Do có nhu cầu mua xe mô tô để sử dụng, khoảng đầu tháng 9/2021 ông lên mạng face book tìm mua xe, thì thấy có người đăng viết đăng bài bán 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Super Dream màu sơn nâu, biển số đăng ký 22K9-431.... Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 15/9/2021, ông đến địa chỉ người đăng bán xe để xem và mua xe thì gặp một người đàn ông sau này biết tên là Nguyễn Thế A, ở cạnh cửa hiệu cầm đồ HH. Sau đó ông được Thế A cho xem xe và toàn bộ giấy tờ xe, thấy xe mô tô này có đầy đủ

giấy tờ nên ông đã mua xe mô tô này với giá 17.500.000 đồng. Sau khi mua được xe mô tô về sử dụng, thấy có nhiều người thích sử dụng dòng xe này nên ông đã đăng lên mạng face book để bán xe. Ngày 18/9/2021, ông Vũ Phương N, đến gia đình ông xem xe mô tô, giữa hai bên đã thống nhất mua, bán xe mô tô kèm theo giấy tờ xe với giá 19.500.000 đồng, ông đã nhờ vợ là Lê Bích H viết hộ giấy bán xe cho ông N, ông N đã thanh toán đủ tiền cho ông. Tại đơn xin xét xử vắng mặt Mai Thanh T xác định xe mô tô đã bị cơ quan chức năng thu giữ, ông đã thanh toán cho ông Vũ Phương N số tiền 14.500.000 đồng. Ông đã được Nguyễn Thế A thanh toán cho số tiền 5.000.000 đồng, ông yêu cầu Nguyễn Thế A thanh toán cho ông số tiền 12.500.000 đồng.

Ông Vũ Phương N xác định: Vào khoảng giữa tháng 9/2021 ông mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Super Dream màu sơn nâu, biển số đăng ký 22K9-431... với anh Mai Thanh T với giá 19.500.000 đồng, khi mua không biết là tài sản do trộm cắp mà có, ông đã giao đủ tiền cho Mai Thanh T. Chiếc xe mô tô nêu trên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã thu giữ, trả lại cho bị hại. Trong giai đoạn điều tra vụ án giữa ông Nguyễn Thế A, Mai Thanh T và ông đã nói chuyện, trao đổi, thỏa thuận với nhau, Mai Thanh T đã thanh toán cho ông được số tiền 14.500.000 đồng, nay ông yêu cầu Mai Thanh T thanh toán cho ông số tiền 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra người tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phù hợp với nhau, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 22/8/2021, Lê Ngọc C đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Super Dream màu sơn nâu, biển số đăng ký 22K9-431…, trị giá 15.000.000 đồng của ông Mã

Văn D, ở tại tổ dân phố V, xã L, huyện C, tỉnh T. Đủ cơ sở xác định bị cáo Lê Ngọc C đã phạmTội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, do đó phải chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội của mình. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, vi phạm pháp luật Nhà nước.

Bị cáo là người có nhân thân xấu. Năm 2020, Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng, chấp hành xong thời gian cai nghiện ngày 11/3/2021. Từ năm 1996 đến tháng 01/2022 đã bị Tòa án xét xử nhiều lần (06) về các tội khác nhau như: Cướp tài sản, tàng trữ trái phép chất ma túy, trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tháng 10/2021, bị Công an huyện Y, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; tháng 11/2021, bị Công an huyện Q, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của người khác.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (*mặc dù Bản án số 03/2022, ngày 10/01/2022, của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T đã có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên trong bản án có hiệu lực pháp luật nêu trên, có hành vi phạm tội xảy ra sau thời điểm phạm tội của bản án này; do đó xác định là nhân thân, không phải tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "*Người phạm tội thành khẩn khai báo"* theo quy định tại đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung; nội dung buộc tội, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cho thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, đã bị xét xử nhiều lần, thể hiện tính coi thường pháp luật, do đó cần phải áp dụng mức án nghiêm khắc với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Super Dream màu sơn nâu, biển số đăng ký 22K9-431... bị hại Mã Văn D đã nhận lại, không bị hư hỏng,

công truy tìm tài sản ông Mã Văn D không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền của ông Nguyễn Thế A khi mua xe mô tô của bị cáo Lê Ngọc C do trộm cắp mà có 8.000.000 đồng. Xét thấy khi mua tài sản này ông Nguyễn Thế A không biết do trộm cắp mà có, việc mua bán ngay tình, về nguyên tắc cần buộc bị cáo Lê Ngọc C có trách nhiệm thanh toán, hoàn trả cho ông Nguyễn Thế A. Tuy nhiên trong đơn xin xét xử vắng mặt Nguyễn Thế A xác định không yêu cầu bị cáo Lê Ngọc C bồi thường số tiền mua xe mô tô 8.000.000 đồng nêu trên, do đó Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp Nguyễn Thế A có yêu cầu thì sẽ thực hiện khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với số tiền của Mai Thanh T: Mai Thanh T đã mua xe mô tô với Nguyễn Thế A số tiền 17.500.000 đồng, khi mua xe mô tô không biết do tài sản trộm cắp mà có, đã thanh toán đủ tiền cho Nguyễn Thế A. Trước khi mở phiên tòa đã được Nguyễn Thế A thanh toán cho số tiền 5.000.000 đồng, Mai Thanh T yêu cầu Nguyễn Thế A phải hoàn trả số tiền 12.500.000 đồng, xét thấy việc mua bán trên là ngay tình, do đối tượng mua bán là tài sản do trộm cắp mà có, đây là giao dịch dân sự vô hiệu, do đó cần buộc Nguyễn Thế A hoàn trả tiếp cho Mai Thanh T số tiền 12.500.000 đồng.

Đối với số tiền của Vũ Phương N:Vũ Phương N đã mua xe mô tô với Mai Thanh T số tiền 19.500.000 đồng, khi mua xe mô tô không biết do tài sản trộm cắp mà có, đã thanh toán đủ tiền cho Mai Thanh T. Trước khi mở phiên tòa đã được Mai Thanh T thanh toán cho số tiền 14.500.000 đồng, ông N yêu cầu Mai Thanh T hoàn trả số tiền 5.000.000 đồng, xét thấy việc mua bán trên là ngay tình, do đối tượng mua bán là tài sản do trộm cắp mà có, đây là giao dịch dân sự vô hiệu, do đó cần buộc Mai Thanh T hoàn trả tiếp cho ông Vũ Phương N số tiền 5.000.000 đồng.

[5] Về vật chứng vụ án: Tài sản bị cáo trộm cắp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, do đó không phải xem xét.

[6] Về truy thu tiền do phạm tội mà có: Sau khi trộm cắp được tài sản, bị cáo C đã bán xe mô tô cho Nguyễn Thế A được 8.000.000 đồng, bị cáo đã chi tiêu hết, không thu hồi được; tuy Nguyễn Thế A hiện nay không yêu cầu bị cáo hoàn trả tiền, nhưng theo pháp luật dân sự vẫn có quyền yêu cầu hoàn trả (bồi thường, bồi hoàn), do đó không cần thiết phải truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền nêu trên.

[7] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy bị cáo Lê Ngọc C không có tài sản

riêng, là lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với hành vi mua, bán tài sản xe mô tô của Nguyễn Thế A, Mai Thanh T và Vũ Phương N do bị cáo Lê Ngọc C phạm tội mà có, quá trình mua, bán tài sản của Nguyễn Thế A, Mai Thanh T và Vũ Phương N không biết tài sản do phạm tội mà có, nên không xem xét, xử lý.

[9] Bị cáo Lê Ngọc C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thế A, ông Mai Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 47, 56 của Bộ luật Hình sự; các Điều 116, 122, 123, 131, 357, 468, 579 Bộ luật dân sự; các Điều 106, 135, 136, 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Lê Ngọc C, 01 năm, 08 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 năm tù của Bản án số 03/2022, ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T. Buộc Lê Ngọc C phải chấp hành hình phạt chung là 04 (*bốn*) năm, 08 (*tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Buộc ông Nguyễn Thế A có trách nhiệm thanh toán (hoàn trả) cho ông Mai Thanh T số tiền 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Buộc ông Mai Thanh T có trách nhiệm thanh toán (hoàn trả) cho ông Vũ Phương N số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Lê Ngọc C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thế A phải chịu 625.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Mai Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 18/3/2022.

Ông Mã Văn D, ông Nguyễn Thế A, ông Mai Thanh T, ông Vũ Phương N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQ;
- CQCSĐT CA huyện Chiêm Hóa;
- CQTHAHS CA huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Bộ phận HSNV CA huyện Chiêm Hóa;
- Sở Tư pháp;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phúc An Hoành